

Số: /VĐTRHM-TCHCQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt đang có nhu cầu tham khảo giá để xây dựng dự toán mua sắm vật tư, hóa chất, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động chuyên môn chung của Viện. Kính mời các nhà cung cấp quan tâm, gửi thông tin báo giá theo các nội dung sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, nhà A7, Trường Đại học Y Hà Nội, số 01 Tôn Thất Tùng, Kim Liên, Hà Nội.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ông Hoàng Văn Thực, Phó Trưởng Phòng TC – HC – QT, Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Bản in báo giá và các tài liệu kèm theo gửi trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư P106, tầng 1 nhà A7, Trường Đại học Y Hà Nội, số 01 Tôn Thất Tùng, Kim Liên, Hà Nội.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16h00 ngày 21/7/2025.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày phát hành báo giá.

II. Nội dung mời báo giá:

- Danh mục hàng hóa, yêu cầu cụ thể như các phụ lục kèm theo (các đơn vị vui lòng chào giá theo đúng thứ tự danh mục, có thể chào trọn gói hoặc theo từng phần, chi tiết các phần như phụ lục kèm theo). Giá hàng hóa là giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác liên quan.
- Địa điểm: Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, nhà A7, Trường Đại học Y Hà Nội, số 01 Tôn Thất Tùng, Kim Liên, Hà Nội.
- Thời gian: năm 2025-2026.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Cụ thể khi thực hiện ký kết Hợp đồng mua bán.
- Các thông tin khác: Các nhà cung cấp có thể khuyến nghị cho Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt các hàng hóa/dịch vụ đáp ứng được yêu cầu của Viện.

Hồ sơ chào giá bao gồm:

- Báo giá theo mẫu kèm theo công văn này;
- Bảng đáp ứng thông số kỹ thuật (như phụ lục kèm theo);
- Hồ sơ năng lực của đơn vị báo giá (giấy phép kinh doanh, mã định danh trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia, hợp đồng tương tự, các tài liệu khác (nếu có))./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHCQT.

VIỆN TRƯỞNG

Tổng Minh Sơn



PHỤ LỤC 1
DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Kèm theo công văn số /VĐTRHM-TCHCQT ngày tháng năm 2025)

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
I	Công cụ dụng cụ			
1	Bảng so màu răng	- Bảng so màu dựa trên tông màu răng tự nhiên, có khoảng 20 màu thuộc 5 nhóm tông màu: + Nhóm 100: trắng; + Nhóm 200: vàng; + Nhóm 300: nâu sáng; + Nhóm 400: xám; + Nhóm 500: tối; - Mỗi nhóm tông màu có các biến thể với độ bão hòa tăng dần; - Có các mã số tương ứng với từng biến thể màu.	Cái	5
2	Bẫy chân răng cong	- Chất liệu thép không gỉ, có độ bền cao; - Cán cầm bọc silicon hoặc kim loại, chống trượt, dễ thao tác; - Thiết kế: đầu cong, kích thước ~ 1.6mm.	Cái	30
3	Bẫy chân răng thẳng	- Chất liệu thép không gỉ, có độ bền cao; - Cán cầm bọc silicon hoặc kim loại, chống trượt, dễ thao tác; - Thiết kế: đầu thẳng, kích thước ~ 1.6mm.	Cái	30
4	Bẫy khuỷu phải	- Chất liệu thép không gỉ, có độ bền cao; - Cán cầm bọc silicon hoặc kim loại, chống trượt, dễ thao tác; - Thiết kế: đầu bẫy cong, kích thước đầu bẫy ~ 3mm và 5mm.	Cái	30

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
5	Bẫy khuỷu trái	- Chất liệu thép không gỉ, có độ bền cao; - Cán cầm bọc silicon hoặc kim loại, chống trượt, dễ thao tác; - Thiết kế: đầu bẫy cong, kích thước đầu bẫy ~ 3mm và 5mm.	Cái	30
6	Bẫy thẳng to	- Chất liệu thép không gỉ, có độ bền cao; - Cán cầm bọc silicon hoặc kim loại, chống trượt, dễ thao tác; - Thiết kế: đầu bẫy thẳng, kích thước đầu bẫy ~ 5mm.	Cái	30
7	Bóc tách	- Bóc tách chất liệu thép không gỉ; - Thiết kế đầu: + ~ 8,2mm và 4,2mm; + ~ 7,2mm và 4,2mm; + ~ 11,0mm và 5,0mm; + ~ 4,2mm và đầu dao 4,1mm.	Cái	50
8	Bộ đặt đăm cao su cho người lớn	- Bộ dụng cụ gồm: + Kim bấm lỗ có mâm xoay gồm 7 lỗ với đường kính khác nhau; + Clamp thép không gỉ, 9 kích cỡ khác nhau cho từng nhóm răng; + Kim đặt đê; + Khung căng đê kim loại hình chữ U độ rộng ~129mm.	Bộ	5
9	Bộ đặt đăm cao su cho trẻ em	- Bộ dụng cụ gồm: + Kim bấm lỗ có mâm xoay gồm 7 lỗ với đường kính khác nhau; + Clamp thép không gỉ, 9 kích cỡ khác nhau cho từng nhóm răng; + Kim đặt đê; + Khung căng đê kim loại hình chữ U độ rộng ~105mm.	Bộ	5
10	Bơm tiêm áp lực	- Bơm tiêm áp lực dùng trong tiêm thuốc tê nha khoa; - Thân bơm, Piston làm bằng thép không gỉ, đảm bảo áp suất ổn định; - Tương thích với ống thuốc tê tiêu chuẩn (1.8ml - 2.2ml); - Có thể sử dụng với kim tiêm nha khoa thông dụng.	Cái	50

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
11	Bơm tiêm hút ngược	- Bơm tiêm áp lực dùng trong tiêm thuốc tê nha khoa; - Thân bơm, Piston làm bằng thép không gỉ, đảm bảo áp suất ổn định; - Tương thích với ống thuốc tê tiêu chuẩn (1.8ml - 2.2ml); - Có thể sử dụng với kim tiêm nha khoa thông dụng; - Có thể hút ngược giúp kiểm tra xem kim có vào mạch máu không trước khi tiêm.	Cái	10
12	Cán dao phẫu thuật	- Cán dao phẫu thuật nha khoa, sử dụng với lưỡi dao mổ thay thế, dễ vệ sinh và tiệt trùng; - Cán dao số 3.	Cái	100
13	Cây đặt chỉ co nướu	- Chất liệu: thép không gỉ; - 2 đầu dẹt xoay theo 2 hướng khác nhau, dễ cầm nắm, thao tác, gọn nhẹ; - Có 3 loại: + Đầu dẹt mịn ~ 1.8mm; + Đầu dẹt có gai ~ 1.8mm; + Đầu tròn dẹt có gai ~ 2.8mm.	Cái	10
14	Cây hàn răng các loại	- Cây hàn 2 đầu bằng thép không gỉ; - Có nhiều đầu tạo hình, điêu khắc khác nhau (dẹt, tròn,...); - Không dính vật liệu, có thể hấp sấy được.	Cái	50
15	Cây nạo huyết ổ răng	- Dụng cụ nạo ổ răng, chuyên dùng trong phẫu thuật nha khoa. - Chất liệu: thép không gỉ; - Kích thước: ~ 3.0mm, 3.5mm, 4.5-3.8mm, 3.5-7.0mm, 2.2mm, 2.6mm, 2.9mm, 3.5mm, 4.6mm	Cái	50
16	Cây nạo quanh răng các số	- Chất liệu: Thép không gỉ; - Kích cỡ: 1/2, 3/4, 5/6, 7/8, 9/10, 11/12, 13/14, 15/16, 17/18; - Dùng nạo túi quanh răng trong phẫu thuật nạo lợi, nạo tổ chức quanh răng trong các phẫu thuật điều trị vạt điều trị túi quanh răng và dùng trong các phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ nha chu.	Cái	10

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
17	Cây thăm dò nha chu	- Chất liệu: Thép không gỉ; - Cây thăm dò nha chu có vạch chia 1mm, dùng đo túi quanh răng và các số đo trong nha chu và các phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ nha chu.	Cái	50
18	Clamp đủ kích cỡ đặt đám cao su	- Chất liệu thép không gỉ, 9 kích cỡ và cấu tạo khác nhau cho từng nhóm răng	Cái	50
19	Dụng cụ dũa xương	- Chất liệu thép không gỉ; - Lưỡi dũa có rãnh khía sâu, giúp loại bỏ mô xương dư thừa hiệu quả; - Kích thước 2 đầu: ~ 8,0mm - 4.8mm.	Cái	30
20	Dụng cụ kéo vạt phẫu thuật	- Dụng cụ chuyên dụng dùng trong phẫu thuật nha khoa để kéo và giữ vạt mô; - Chất liệu: Thép không gỉ; - Đầu kéo vạt mỏng, bo tròn, giúp thao tác nhẹ nhàng mà không làm tổn thương mô mềm.	Cái	20
21	Đầu lấy cao răng dưới lợi	- Đầu lấy cao răng dưới lợi, có đầu phun nước riêng; - Diện tích tác dụng dạng elip.	Cái	30
22	Đầu lấy cao răng trên lợi	- Đầu lấy cao răng trên lợi, có đầu phun nước riêng; - Diện tích tác dụng dạng elip.	Cái	30
23	Đèn cồn	- Gồm thân đèn, dây bắc và nắp chụp nhựa chịu nhiệt. + Thân đèn chắc chắn, làm bằng thủy tinh; + Bắc đèn bằng sợi bông chất lượng cao, cho ngọn lửa ổn định; + Nắp đậy an toàn, giúp tắt lửa nhanh chóng và ngăn bay hơi cồn.	Cái	20
24	Đèn quang trùng hợp	- Cường độ sáng: ~ 1.47 mW/cm ² ; - Loại ánh sáng: LED; - Bước sóng ánh sáng: ~ 430 - 480 nm; - Đường kính ống dẫn sáng: ~ 10 mm; - Góc độ đầu đèn linh hoạt, dễ dàng tiếp cận tất cả bề mặt răng; - Tính đồng nhất cao, ánh sáng phân bố đều; - Thiết kế gọn nhẹ, nút bấm đơn giản.	Cái	25

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
25	Gương chụp ảnh trong miệng	- Gương nha khoa chuyên dụng dùng để chụp ảnh trong miệng; - Chất liệu: Thủy tinh quang học cao cấp, có lớp phủ chống phản chiếu. - Độ phản chiếu cao (>90%), giúp ghi lại hình ảnh chi tiết. - Cạnh bo tròn, nhẵn mịn, tránh tổn thương mô mềm khi sử dụng. - Nhiều kích thước khác nhau (Trẻ em & người lớn), phù hợp với nhiều nhu cầu lâm sàng.	Cái	20
26	Giật chụp	- Chất liệu thép không gỉ; - Đầu giật có độ bám tốt, giúp tháo chụp/mão răng an toàn mà không làm tổn hại răng thật; - Tay cầm chắc chắn, dễ thao tác, giúp nha sĩ kiểm soát lực tốt hơn; - Có thể sử dụng với nhiều loại chụp răng, mão răng kim loại và toàn sứ.	Cái	10
27	Hộp đựng mũi khoan	- Chất liệu thép không gỉ; - Hộp có 60 lỗ chứa mũi khoan, kích thước phù hợp với các loại mũi khoan nha khoa phổ biến (RA, FG, HP...).	Cái	50
28	Kéo cắt chỉ	- Kéo cắt chỉ chuyên dụng trong phẫu thuật nha khoa; - Chất liệu thép không gỉ; - Thiết kế dài ~ 13 cm, lưỡi kéo sắc bén, đầu thẳng hoặc cong.	Cái	50
29	Kéo cắt chụp thép	- Chất liệu thép không gỉ; - Dùng để cắt, điều chỉnh kích thước chụp thép tiền chế trong điều trị răng sữa.	Cái	20
30	Kéo phẫu thuật	- Kéo cắt mô mềm chuyên dụng trong phẫu thuật nha khoa; - Chất liệu thép không gỉ; - Thiết kế dài ~15 cm, lưỡi kéo sắc bén, đảm bảo cắt mô chính xác, đầu thẳng hoặc cong.	Cái	50

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
31	Kẹp cầm máu	- Dụng cụ kẹp phẫu thuật dùng để kẹp và kiểm soát chảy máu trong phẫu thuật nha khoa; - Chất liệu thép không gỉ; - Lưỡi kẹp có răng cưa hoặc trơn, giúp cố định mô chính xác mà không làm tổn thương mô xung quanh. - Thiết kế đầu cong, dài ~ 13cm và 15cm.	Cái	10
32	Kẹp clamp đặt đám cao su	Kìm đặt đám có mấu ở 2 đầu kìm để gài vào lỗ trên cánh clamp, giúp mở rộng clamp khi đặt vào răng.	Cái	10
33	Kẹp phẫu tích có mấu	- Chất liệu thép không gỉ; - Thiết kế đầu: thẳng, có mấu, dài ~ 12cm.	Cái	20
34	Kẹp phẫu tích không mấu	- Chất liệu thép không gỉ; - Thiết kế đầu: thẳng, không mấu, dài ~ 12cm.	Cái	50
35	Kìm bấm lỗ đặt đám cao su	- Kìm bấm lỗ có mâm xoay gồm 7 lỗ với đường kính khác nhau dùng để bấm lỗ trên đám cho các vùng răng khác nhau; - Có thể hấp sấy được.	Cái	10
36	Kìm bấm xương	- Chất liệu thép không gỉ; - Lưỡi bấm sắc bén, đảm bảo thao tác chính xác khi cắt hoặc điều chỉnh xương; - Chiều dài ~ 142mm và 165mm.	Cái	10
37	Kìm kẹp kim	- Dụng cụ kẹp kim phẫu thuật nha khoa, dùng để giữ kim khâu khi khâu vết thương; - Chất liệu thép không gỉ; - Lưỡi kẹp có rãnh khía hoặc phủ tungsten carbide giúp giữ kim chắc chắn, không trượt.	Cái	30
38	Kìm nhổ chân răng hàm dưới	- Chất liệu thép không gỉ; - Cán và mỏ kìm vuông góc với nhau, mỏ kìm nhỏ và càng hẹp dần về cuối.	Cái	30
39	Kìm nhổ chân răng hàm trên	- Chất liệu thép không gỉ; - Cán kìm thẳng, mỏ kìm hẹp, nhọn dần về phía cuối và không có mấu.	Cái	30

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
40	Kìm nhổ chân răng sữa hàm dưới	- Chất liệu thép không gỉ; - Cán kìm và mỏ kìm nằm vuông góc với nhau, mỏ kìm thon nhọn, không có máu, dùng cho cả bên trái và bên phải.	Cái	10
41	Kìm nhổ chân răng sữa hàm trên	- Chất liệu thép không gỉ; - Cán và mỏ kìm không nằm trên một mặt phẳng, mỏ kìm thon nhọn, không có máu, dùng cho cả bên trái và bên phải.	Cái	10
42	Kìm nhổ răng cửa sữa hàm dưới	- Chất liệu thép không gỉ; - Cán và mỏ kìm nằm vuông góc với nhau, mỏ thon nhỏ, không máu.	Cái	10
43	Kìm nhổ răng cửa sữa hàm trên	- Chất liệu thép không gỉ; - Cán, cổ, mỏ kìm thẳng nằm trên một mặt phẳng, mỏ kìm không máu, đối xứng.	Cái	10
44	Kìm nhổ răng hàm sữa hàm dưới	- Chất liệu thép không gỉ; - Cán kìm và mỏ kìm nằm vuông góc với nhau, hai mỏ đều có máu, dùng cho cả bên phải và bên trái.	Cái	10
45	Kìm nhổ răng hàm sữa hàm trên	- Chất liệu thép không gỉ; - Cán và mỏ kìm không nằm trên một mặt phẳng, kìm có hình chữ S, mỏ kìm có máu dùng cho cả bên trái và bên phải.	Cái	10
46	Kìm nhổ răng khôn hàm dưới	- Chất liệu thép không gỉ; - Có chiều dài hơn các kìm hàm dưới khác để nhổ răng phía sau cùng của hàm dưới; - Cán thẳng và mỏ gập vuông góc với cán; - Mỏ kìm đối xứng 2 bên, đầu của mỏ kìm hai bên không có máu. Bên trong mỏ kìm có cách rãnh dạng chữ thập để không bị trơn trượt trong quá trình nhổ răng.	Cái	30
47	Kìm nhổ răng khôn hàm trên	- Chất liệu thép không gỉ; - Có hình dạng hơi cong và là kìm dài nhất để nhổ răng trong cùng. - Mỏ kìm được thiết kế lõm hai mặt và không có máu. - Kìm được sử dụng cho cả hai bên cung hàm trên.	Cái	30

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
48	Kìm nhổ thân răng 1,2,3 hàm dưới	- Chất liệu thép không gỉ; - Kìm có cán, cổ, mỏ tạo góc vuông, mỏ không có máu, dùng để nhổ răng 1,2,3 hàm dưới	Cái	30
49	Kìm nhổ thân răng 1,2,3 hàm trên	- Chất liệu thép không gỉ; - Kìm có cán, cổ, mỏ thẳng, không có máu, dùng để nhổ răng 1,2,3 hàm trên	Cái	30
50	Kìm nhổ thân răng 4,5 hàm dưới	- Chất liệu thép không gỉ; - Kìm có cán, cổ, mỏ tạo góc vuông, mỏ không có máu, dùng để nhổ răng 4,5 hàm dưới	Cái	30
51	Kìm nhổ thân răng 4,5 hàm trên	- Chất liệu thép không gỉ; - Kìm có cổ thẳng, cán hình chữ S, mỏ không có máu, dùng để nhổ răng 4,5 hàm trên.	Cái	30
52	Kìm nhổ thân răng 6,7 hàm dưới	- Chất liệu thép không gỉ; - Kìm có cổ vuông, hai mỏ đều có máu để nhổ răng 6,7 hàm dưới.	Cái	30
53	Kìm nhổ thân răng 6,7 hàm trên	- Chất liệu thép không gỉ; - Có 2 loại: phải, trái; - Kìm có cán hình chữ S, mỏ ngoài có máu để nhổ răng 6,7 hàm trên.	Cái	30
54	Khung đặt đàm cao su	- Khung căng đàm kim loại hình chữ U; - Độ rộng ~129mm, thành dẹt, có 7 móc nhú ra để cố định đàm trên khung; - Có thể hấp sấy được.	Cái	10
55	Súng bắn silicone/nhựa tạm	- Dụng cụ hỗ trợ trộn và bơm vật liệu nhựa tạm hoặc silicone trong nha khoa; - Tương thích với nhiều loại ống vật liệu (1:1 và 1:10), phù hợp với nhiều loại nhựa răng tạm, silicone lấy dấu.	Cái	20
56	Thìa lấy dấu bán hàm	- Chất liệu nhựa; - Thiết kế phù hợp để lấy dấu một nửa hàm trên/dưới của bệnh nhân; - 2 cái/cặp, 1 cái nửa bên trái, 1 cái nửa bên phải; - Đủ size từ 1-5.	Cặp	50

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
57	Thìa lấy dấu toàn hàm	- Chất liệu inox; - Thiết kế phù hợp để lấy dấu toàn bộ hàm trên/dưới của bệnh nhân; - Có các cỡ SX, X,M,L,XL, XXL.	Cặp	50
II	Vật tư, hóa chất			
58	Acid xoi mòn răng	- Thành phần chính: Axit phosphoric ~ 37%; - Màu sắc tương phản dễ phân biệt, dễ dàng làm sạch, đi kèm đầu bơm nhỏ dễ thao tác; - Dùng để xử lý bề mặt men răng và ngà răng trước quá trình trám – gắn phục hồi, cố định răng...	Tuýp	100
59	Axit xoi mòn sứ	- Thành phần có 9.5% Axit Hydrofluoric; - Sử dụng cho phục hình toàn sứ (porcelain, e.max, zirconia, veneer, inlay, onlay, mão sứ)... - Tăng cường độ bám dính giữa phục hình sứ và xi măng dán; - Thời gian etching nhanh, từ 60–90 giây tùy vào loại sứ.	Lọ	15
60	Banh miệng người lớn	- Thành phần: Silicone y tế/Nhựa dẻo; - Hình dáng chữ C hoặc Y, phù hợp với cấu trúc miệng người lớn; - Không gây kích ứng mô mềm, phù hợp với nhiều loại bệnh nhân; - Chịu lực tốt, không biến dạng khi sử dụng nhiều lần; - Dễ dàng vệ sinh, khử trùng, đảm bảo an toàn khi tái sử dụng.	Cái	80
61	Banh miệng trẻ em	- Thành phần: Silicone y tế/Nhựa dẻo; - Hình dáng chữ C hoặc Y, phù hợp với cấu trúc miệng trẻ em; - Không gây kích ứng mô mềm, phù hợp với nhiều loại bệnh nhân; - Chịu lực tốt, không biến dạng khi sử dụng nhiều lần; - Dễ dàng vệ sinh, khử trùng, đảm bảo an toàn khi tái sử dụng.	Cái	80
62	Bát cao su đánh thạch cao	Bát cao su dùng để trộn thạch cao, chất lấy dấu hoặc các vật liệu nha khoa khác.	Cái	20
63	Bay đánh chất lấy dấu (nhựa)	Bay đánh chất lấy dấu làm bằng nhựa dùng để trộn thạch cao, chất lấy dấu hoặc các vật liệu nha khoa khác.	Cái	20

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
64	Băng keo chỉ thị hấp ướt	- Mực chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì ; - Lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, bao plastic,...; - Lớp nền là loại giấy crepe màu be có thể co giãn có thể viết được lên trên hoặc dán nhãn bằng nhãn in sẵn; - Các vạch chỉ thị hóa học hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan từ trắng nhạt/rám nắng sang nâu sẫm/đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước.	Cuộn	30
65	Bộ file tạo hình ống tùy loại C các số	- Chất liệu: thép không gỉ; - Thiết diện: hình vuông; - Thăm dò ống tùy bị canxi hóa, hỗ trợ mở rộng & tạo đường trượt ban đầu cho các dụng cụ tiếp theo; - Chiều dài: ~ 21mm, 25mm; - Kích cỡ: #08, #10, #15, #20.	Vỉ	150
66	Bộ file tạo hình ống tùy loại D các số	- Chất liệu: thép không gỉ; - Thiết diện cắt ngang: hình chữ D, đầu mũi không cắt dễ dàng trượt theo thành ống tùy; - Cứng hơn ~ 50% so với K-File; - Độ trơn: ~ 2%; - Chiều dài: ~ 21mm, 25mm; - Kích cỡ: #8 - #15.	Vỉ	100
67	Bộ gắn veneer	- Thành phần: Monomer methacrylate, Filler nano, hệ thống quang trùng hợp... - Dành riêng cho gắn veneer và phục hình sứ mỏng, đảm bảo kết quả thẩm mỹ tối ưu; - Tính quang học tốt, không làm thay đổi màu sắc veneer; - Hệ thống màu đa dạng (Light, Neutral, Warm, Warm+), giúp điều chỉnh màu sắc phục hình tự nhiên.	Hộp	5

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
68	Bộ kit đánh bóng composite	- Được thiết kế theo hệ thống đĩa gắn vào trục để đánh bóng và hoàn tất miếng trám composite hoặc mài chỉnh mockup; - Đĩa đánh bóng được phủ nhám hai mặt với độ nhám và công năng theo màu sắc: + Màu 1: độ nhám cao, mài chỉnh hình thái; + Màu 2: độ nhám vừa, mài chỉnh thô; + Màu 3: độ nhám mịn, đánh bóng; + Màu 4: độ nhám siêu mịn, đánh bóng tối đa; - Một bộ đầy đủ gồm có tối thiểu: + 48 đĩa chia thành 4 loại theo độ mịn khác nhau, đường kính ~ 12mm và 8mm; + 01 mũi đánh bóng composite mịn; + 01 trục lắp đĩa.	Bộ	12
69	Bộ mũi đánh bóng, mài chỉnh hàm giả tháo lắp	- Thành phần: Hạt mài silicon carbide hoặc aluminum oxide, cán thép không gỉ. - Thiết kế: Bộ gồm nhiều loại mũi đánh bóng và mài với các hình dạng khác nhau (trụ, nón, đĩa, cầu, đầu côn); - Tương thích với tay khoan tốc độ thấp, dễ dàng kiểm soát khi thao tác.	Cái	30
70	Bông cầm máu kích thước 14*7*7	- Thành phần chứa cellulose tái tạo, chất cầm máu, không chứa hóa chất độc hại... - Kích thước 14 mm x 7 mm x 7 mm phù hợp để đặt tại vị trí nhổ răng hoặc vùng phẫu thuật nha khoa.	Hộp	50
71	Bông cuộn chặn nước bọt	- Chất liệu: 100% bông tự nhiên, sợi bông trắng, mềm mại, không xơ, không lẫn tạp chất; - Khả năng thấm hút: Cao, giữ dịch lỏng hiệu quả, khả năng thấm hút dưới 10 giây; - Không gây kích ứng da và niêm mạc; - Đường kính: ~ 8mm - 12mm; - Chiều dài: ~ 3cm - 5cm;	Gói	60

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
72	Cao su lấy dấu khớp cắn	- Thành phần: Vinyl polysiloxane (VPS), chất xúc tác Platinum, silica; - Độ cứng cao (Shore A > 93); - Thời gian thao tác (Working Time): 30 giây; - Thời gian đông kết trong miệng (Setting Time in Mouth): 90 giây; - Tổng thời gian làm việc và đông kết: ~2 phút; - Dùng lấy dấu khớp cắn chính xác trong phục hình răng sứ, chụp, cầu răng.	Hộp	40
73	Cây đưa thuốc, chất hàn vào ống tủy đủ số	- Chất liệu: thép không gỉ; - Dạng xoắn lò xo, giúp thuốc hoặc chất hàn phân phối đồng đều trong ống tủy; - Có các vạch màu đánh dấu kích cỡ đầu làm việc trên cán; - Dùng để quay thuốc trám bít ống tủy trong điều trị nội nha, giúp thuốc đi sâu vào toàn bộ hệ thống ống tủy; - Kích cỡ: #25 - #40; - Chiều dài: ~ 21mm, 25mm.	Vi	20
74	Cây lèn dọc	- Hai đầu lèn chuyên biệt: + Đầu NiTi (Nickel-Titanium): Kích thước nhỏ, giúp lèn dọc trong 1/3 chóp ống tủy; + Đầu thép không gỉ (Stainless Steel): Cứng chắc, giúp lèn chặt 2/3 trên của ống tủy. - Đầu tip bằng, không sắc cạnh; - Có các vạch đo chiều dài làm việc (mỗi 5mm); - Mã màu trên thân cây lèn, giúp phân biệt các kích cỡ đầu lèn.	Cây	15

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
75	Cây lèn ngang đủ số	- Dùng để lèn gutta percha theo phương pháp lèn ngang; - Vật liệu: thép không gỉ; - Kích cỡ: ISO #25; - Chiều dài: ~25mm; - Cán cây lèn có các mã màu quy định theo ISO, trên cán cầm có các lỗ để buộc chỉ tránh rơi dụng cụ; - Thân cây lèn trơn ~2%, trơn nhẵn; - Có nút chặn cao su tương ứng độ dài cây lèn.	Cây	15
76	Cây nạo ngà	- Chất liệu: thép không gỉ; - 2 đầu dạng thìa dẹt xoay theo 2 hướng trái; - Kích cỡ: lớn, nhỏ, trung bình.	Cái	50
77	Composite đặc dạng tuýp các màu	- Thành phần: resin tổng hợp, hạt độn nano-hybrid (Zirconia, Silica, Cluster Filler), Photoinitiator... - Độ kháng mài mòn cao; - Dễ điều khắc và đánh bóng; - Độ bóng cao, màu sắc tự nhiên; - Tính ổn định cao, bền màu và không bị dính vào dụng cụ khi điều khắc; - Có các màu: màu men, màu ngà, màu tẩy trắng đắp mặt răng, màu cạnh cắn...	Tuýp	120
78	Composite đặc dạng tuýp màu men	- Thành phần: resin tổng hợp, hạt độn nano-hybrid (Zirconia, Silica, Cluster Filler), Photoinitiator... - Độ kháng mài mòn cao; - Dễ điều khắc và đánh bóng; - Độ bóng cao, màu sắc tự nhiên; - Tính ổn định cao, bền màu và không bị dính vào dụng cụ khi điều khắc; - Màu men, dùng trám thẩm mỹ vùng răng trước.	Tuýp	50

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
79	Composite lỏng dạng tuýp các màu phủ cùi răng	- Thành phần: hệ thống chất nền, hạt độn vô cơ... - Độ nhót cao, độ co ngót sau trùng hợp thấp; - Có các mã màu phù hợp với màu sắc ngà răng tự nhiên và phù hợp với bảng so màu phổ biến; - Độ bóng cao và dễ đánh bóng.	Tuýp	100
80	Composite lỏng dạng tuýp các màu trám răng	- Thành phần: hệ thống chất nền (Resin Matrix): Bis-GMA, UDMA, TEGDMA, PEGDMA, hạt độn (Filler): Silica/Zirconia dạng nano với kích thước trung bình ~ 20nm; - Độ nhót cao, độ co ngót sau trùng hợp thấp; - Có các mã màu phù hợp với màu sắc ngà răng tự nhiên và phù hợp với bảng so màu phổ biến; - Độ bóng cao và dễ đánh bóng.	Tuýp	100
81	Côn giấy các số	- Chất liệu: giấy thấm, dùng một lần để làm khô ống tủy; - Kích thước tiêu chuẩn: có các số 20, 25, 30, 35, 40 quy định theo mã màu ISO trên đuôi côn; - Độ thuôn ~4%, 6%; - Trên thân côn có thể có các vạch màu đánh dấu chiều dài làm việc.	Hộp	300
82	Côn trám bít ống tủy (loại A,B,C,D)	- Côn phụ dùng kết hợp với cone chính trong phương pháp lèn ngang nguội, không có các vạch màu trên thân côn; - Thành phần: Gutta-percha nguyên chất; - Kích cỡ: 4 size A, B, C, D; - Chiều dài: ~ 24mm.	Hộp	50
83	Côn trám bít ống tủy cho trám máy 4%, 6%	- Côn chính sử dụng trám bít ống tủy, có vạch màu trên đuôi côn để đánh dấu kích cỡ đường kính đầu côn; - Thành phần: Gutta-percha nguyên chất, Kẽm oxit (ZnO); - Kích cỡ: ~15.04, 15.06, 20.04, 20.06, 25.04, 25.06, 30.04, 30.06, 35.04, 35.06, 40.04, 40.06.	Hộp	100

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
84	Côn trám bít ống tủy loại F1, F2, F3	- Côn chính sử dụng trám bít ống tủy, có vạch màu trên đuôi côn để đánh dấu kích cỡ đường kính đầu côn. '- Thành phần: Gutta-percha nguyên chất, Kẽm oxit (ZnO); - Kích cỡ: F1 (vàng: 20.06), F2 (đỏ: 25.06), F3 (xanh nước biển: 30.06).	Hộp	120
85	Cục cắn người lớn	- Chất liệu silicone mềm, có thể hấp tái sử dụng; - Thiết kế phù hợp để bệnh nhân thoải mái và giảm cảm giác mỏi hàm khi há miệng lâu trong quá trình điều trị.	Cái	30
86	Cục cắn trẻ em	- Chất liệu silicone mềm, có thể hấp tái sử dụng; - Thiết kế phù hợp để bệnh nhân thoải mái và giảm cảm giác mỏi hàm khi há miệng lâu trong quá trình điều trị.	Cái	30
87	Chất bôi trơn ống tủy	- Thành phần: EDTA (Ethylenediaminetetraacetic acid) ~ 10%, Urea Peroxide ~ 15%; - Có tác dụng bôi trơn, làm mềm các mô ngà canxi hóa, loại bỏ mùn ngà, giúp làm sạch thành ống tủy trong điều trị nội nha.	Tuýp	60
88	Chất cách ly sau hàn xi măng	- Thành phần chính: bơ ca cao tinh khiết, chất tạo màng bảo vệ;. - Dạng sệt mềm, dễ dàng bôi lên bề mặt xi măng sau khi hàn; - Không gây kích ứng, an toàn cho niêm mạc miệng và mô răng. - Có thể sử dụng cho nhiều loại xi măng khác nhau, bao gồm Glass Ionomer Cement (GIC) và Resin Cement.	Hộp	100
89	Chất cách ly, bảo vệ lợi	- Thành phần: methacrylate-based resin; - Màu sắc dễ nhận biết (xanh/trắng) để thuận tiện trong quá trình thao tác. - Tự cứng dưới ánh sáng đèn quang trùng hợp (Light-cure); - Không gây kích ứng, an toàn với mô mềm. - Dễ dàng loại bỏ sau khi sử dụng. - Dùng cách ly cùng với đám cao su khi điều trị nội nha, phục hình, bảo vệ mô mềm khi tẩy trắng...	Tuýp	250

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
90	Chất chỉ thị sâu răng	- Giúp phát hiện và đánh dấu vùng mô răng bị tổn thương do mất khoáng hoặc sâu răng bằng cách nhuộm màu khu vực bị ảnh hưởng; - Thành phần: 4-ethylo rhodamine, Propylene glycol, chất hoạt động bề mặt; - Dạng dung dịch lỏng dễ thẩm thấu vào các khe răng và xoang sâu.	Tuýp	30
91	Chất chống ê buốt	- Thành phần: 3% Kali Nitrat (Potassium Nitrate); - Dạng keo phóng thích Fluor kéo dài; - Giảm ê buốt do nhiệt hoặc hóa chất, mòn men, tụt nướu, sau tẩy trắng răng...	Tuýp	30
92	Chất gắn sứ không kim loại	- Là loại xi măng gắn phục hình mão - cầu - inlay - onlay toàn sứ, phục hình trên implant, chốt sợi thủy tinh... - Thành phần: Monomer methacrylate cải tiến, hệ thống tự dán, không cần sử dụng etching hoặc bonding riêng biệt, Filler nano... - Thiết kế dạng ống đôi, bơm xi măng ra giấy trộn và trộn bằng bay nhựa đánh thuốc, cho xi măng vào phục hình và tiến hành gắn đúng vị trí; - Độ bền dán tốt, kháng đổi màu, ổn định lâu dài và gần như không nhạy cảm sau khi gắn.	Hộp	40
93	Chất hàn tạm	- Thành phần: kẽm oxide, vinyl acetate, thạch cao paris (plaster of paris); - Dạng bột nhão (paste-like), tự đông rắn; - Độ bám dính tốt, độ co ngót thấp; - Tính tương thích sinh học tốt, an toàn, không gây kích ứng mô; - Khả năng chịu lực vừa phải, dễ dàng tháo bỏ khi cần; - Không ảnh hưởng đến vật liệu phục hồi vĩnh viễn; - Dùng trám tạm thời trong điều trị nội nha và phục hình nha khoa, bảo vệ răng sau lấy tủy hoặc làm sạch ống tủy.	Hộp	50

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
94	Chất lấy dấu silicon nặng	- Thành phần: Silicone trùng hợp (A-Silicone); - Độ cứng sau khi đông kết: Shore A ~ 60-70; - Thời gian làm việc bên ngoài: ~ 1 phút 30 giây - 2 phút; - Thời gian làm việc trong miệng: ~ 2 - 3 phút; - Độ ổn định kích thước cao: không co ngót, giữ nguyên chi tiết sau khi lấy dấu; - Dễ trộn và không dính tay, không gây khó chịu cho bệnh nhân.	Hộp	80
95	Chất lấy dấu silicon nhẹ	- Thành phần: Vinyl Polysiloxane (VPS), chất xúc tác Platinum; - Độ nhớt thấp, chảy tốt vào các vùng chi tiết, độ chính xác cao; - Thời gian thao tác: ~ 1 phút 30 giây; - Thời gian đông kết trong miệng: ~ 3 phút; - Mùi không gây khó chịu, an toàn với bệnh nhân.	Hộp	80
96	Chất nhiệt dẻo làm vành khít	- Thành phần: hợp chất nhựa nhiệt dẻo (Thermoplastic Resin); - Tính nhiệt dẻo, dễ dàng thao tác khi làm nóng; - Độ bám dính tốt, giúp đảm bảo tính chính xác khi lấy dấu hàm toàn phần; - Không bị co rút, duy trì hình dạng ổn định sau khi định hình; - Dễ điều chỉnh, có thể làm mềm nhiều lần mà không bị biến chất.	Hộp	20
97	Chất trám bít ống tủy răng sữa	- Thành phần có Calcium Hydroxide kết hợp Iodoform; - Có dạng ống tiêm để dễ đưa thuốc vào ống tủy; - Dùng trám bít ống tủy cho răng sữa, chân răng bị ngoại tiêu/nội tiêu.	Tuýp	100
98	Chất xử lý bề mặt men răng	- Hợp chất mài mòn có axit nhẹ, dùng để xử lý các bất thường trên men răng; - Thành phần: 6.6% Axit HCl, hạt mài nhuyễn Silicon Carbide... - Dạng gel đặc, giúp kiểm soát thao tác dễ dàng, không gây lan rộng quá mức.	Tuýp	10
99	Châm gỗ	- Chất liệu: gỗ; - Cạnh tròn, bề mặt nhẵn, không làm tổn thương mô mềm. - Thiết diện cắt ngang hình tam giác; - Dùng tái lập điểm tiếp xúc bên khi trám xoang loại II, hỗ trợ đặt khuôn trám và định hình rìa bên, giúp phục hình răng chính xác hơn.	Túi	5

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
100	Chỉ co lợi các số	- Thành phần: có chứa $AlCl_3$ (Nhôm Clorua); - Cấu trúc sợi bền ổn định, đều đặn, không có lông tơ, không quấn vào mũi khoan; - Kích thước: 000, 00, 0, 1, 2.	Hộp	30
101	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu đơn sợi các size	- Chỉ nylon đơn sợi; - Chất liệu thép không gỉ, mũi cắt ngược kim 3/8; - Chiều dài: 75cm; - Kích cỡ: ~ 3.0, 4.0, 5.0.	Sợi	600
102	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi các size có chứa Polyglactin 910	- Chỉ khâu tự tiêu, đa sợi bền, thành phần có Polyglactin 910, được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate; - Chất liệu thép không gỉ, mũi cắt ngược kim 3/8; - Chiều dài: 75cm; - Kích cỡ: ~ 4.0, 5.0, 6.0, 7.0.	Sợi	600
103	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đơn sợi các size có chứa Collagen tự nhiên	- Chỉ khâu tự tiêu đơn sợi, thành phần có Collagen tự nhiên; - Chất liệu thép không gỉ, mũi cắt ngược kim 3/8; - Chiều dài: 75cm; - Kích cỡ: ~ 3.0, 4.0, 5.0.	Sợi	600
104	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đơn sợi các size có chứa Polydioxanone	- Chỉ tự tiêu, đơn sợi, thành phần có Polydioxanone; - Chất liệu thép không gỉ, mũi cắt ngược kim 3/8; - Chiều dài: 75cm; - Kích cỡ: ~ 3.0, 4.0, 5.0.	Sợi	840
105	Chỉ tơ nha khoa	- Nguyên liệu: Nylon, Pebax, Microcrystalline wax, hương bạc hà. - Độ dài: ~ 50m/cuộn.	Cuộn	72
106	Chổi cước đánh bóng	- Chất liệu: Lông chổi tổng hợp hoặc tự nhiên, thân chổi bằng thép không gỉ. - Dùng đánh bóng sau lấy cao răng, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác; - Chổi cước có độ bền cao, có thể hấp tái sử dụng nhiều lần.	Hộp	11

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
107	Chốt sợi composite đủ số	- Được sử dụng để gia cố phục hồi răng sau khi điều trị nội nha; - Độ đàn hồi của chốt sợi tương tự như ngà răng; - Thành phần: nhựa resin kết hợp với sợi thủy tinh phân tán đều; - Bề mặt có vi lỗ giúp tăng khả năng bám dính với vật liệu gắn; - Dẫn sáng tốt, độ cản quang cao; - Kích thước: ~ Ø 1.1mm - Ø 1.9mm.	Hộp	20
108	Chụp sứ có sẵn	- Chụp sứ tiền chế dùng trong nha khoa trẻ em; - Bề mặt men sứ trơn láng, giảm thiểu sự bám dính của mảng bám và vi khuẩn; - Kích thước: đủ các size tiêu chuẩn, phù hợp với răng sữa của trẻ; - Các kích thước được đánh dấu rõ ràng trên từng chụp để dễ dàng lựa chọn.	Cái	600
109	Chụp thép răng 6,7 vĩnh viễn mới mọc của trẻ	- Chất liệu: thép không gỉ đúc sẵn, không gây kích ứng mô mềm. - Kích thước: đủ các size tiêu chuẩn, phù hợp với răng hàm lớn của trẻ. - Các kích thước được đánh dấu rõ ràng trên từng chụp để dễ dàng lựa chọn.	Cái	300
110	Chụp thép tiền chế cho răng sữa các cỡ	- Chất liệu: thép không gỉ đúc sẵn, không gây kích ứng mô mềm. - Kích thước: đủ các size tiêu chuẩn, phù hợp với răng sữa của trẻ. - Các kích thước được đánh dấu rõ ràng trên từng chụp để dễ dàng lựa chọn.	Cái	2000
111	Dầu tra tay khoan	- Dầu bôi trơn chuyên dụng cho tay khoan nha khoa; - Dầu tổng hợp cao cấp, giúp bôi trơn và bảo vệ các linh kiện bên trong tay khoan, an toàn khi sử dụng trong nha khoa; - Có đầu xịt chuyên dụng, tương thích với các dòng tay khoan.	Chai	30
112	Dung dịch bơm rửa ống tủy chứa Chlorhexidine 2%	- Thành phần: Chlorhexidine digluconate 2%; - Độ pH: ~ 5.5 - 7; - Dùng bơm rửa ống tủy, hòa tan và rửa trôi mô hữu cơ và góp phần bôi trơn ống tủy khi sửa soạn.	Chai	50
113	Dung dịch bơm rửa ống tủy chứa EDTA 17%	- Thành phần: EDTA (Ethylenediaminetetraacetic acid) 17%; - Độ pH: ~ 8,5; - Dùng để làm mềm lớp vôi hóa, loại bỏ lớp mùn ngà, giúp tạo hình và khử khuẩn trong ống tủy nhỏ hoặc bị vôi hóa về phía chóp.	Chai	30

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
114	Dung dịch bơm rửa ống tủy chứa NaOCl 2%	- Thành phần: Natri Hypochlorite 2%; - Độ pH: ~ 10 - 12; - Dùng loại bỏ vi khuẩn và mô hoại tử trong hệ thống ống tủy, hòa tan mô tủy còn sót lại, giúp làm sạch trước khi trám bít ống tủy.	Chai	30
115	Dung dịch bơm rửa ống tủy NaOCl 3%	- Thành phần: Natri Hypochlorite 3%; - Độ pH: ~ 10 - 12; - Dùng loại bỏ vi khuẩn và mô hoại tử trong hệ thống ống tủy, hòa tan mô tủy còn sót lại, giúp làm sạch trước khi trám bít ống tủy.	Chai	30
116	Dung dịch Eugenol	- Được sử dụng để làm dịu cơn đau, là thành phần trong hỗn hợp thuốc băng ống tủy hoặc kết hợp với bột kẽm oxit để làm vật liệu trám bít tạm thời hoặc xi măng trám bít ống tủy; - Thành phần: Eugenol tự nhiên chiết xuất từ tinh dầu đinh hương.	Lọ	15
117	Dung dịch làm mềm guttapercha	- Thành phần chính: d-Limonene; - Dùng để lấy sạch vật liệu trám bít cũ trong điều trị lại nội nha, loại bỏ xi măng kẽm oxit-eugenol và các vật liệu khác khỏi ống tủy, không làm hư hại cấu trúc răng; - An toàn, không gây kích ứng mô mềm khi sử dụng.	Chai	10
118	Dung dịch ngăn ngừa sâu răng	- Thành phần Silver Diamine Fluoride 38% (44800ppmF) ngăn ngừa sự hình thành, tiến triển của sâu răng, đặc biệt là ở trẻ em; - Dung dịch không màu, gồm 25% thành phần bạc có chức năng kháng khuẩn, 8% diamine có vai trò như một dung môi và 5% fluoride có vai trò tái khoáng.	Lọ	10
119	Dung dịch ngâm sát khuẩn mũi khoan	- Không chứa aldehyde và phenol; - Không ăn mòn, an toàn và làm sạch hiệu quả mũi khoan, tungsten carbide, mũi đánh bóng... - Chống vi khuẩn, nấm các loại virus như HIV, viêm gan siêu vi B tối ưu; - Không cần pha loãng.	Bình	20

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
120	Dung dịch ngâm sát khuẩn ống hút	- Không chứa Aldehyde & Phenol, đảm bảo an toàn cho người sử dụng; - Hoạt chất tiêu diệt vi khuẩn, nấm và vi sinh vật gây bệnh trong hệ thống hút nha khoa; - Phù hợp với tất cả các vật liệu trong hệ thống hút nha khoa, không gây ảnh hưởng đến cao su, kim loại hoặc nhựa tổng hợp.	Bình	10
121	Dung dịch rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	- Thành phần: Dung dịch rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme có chứa ≥ 04 loại enzyme và chất hoạt động bề mặt, trong đó có 02 enzyme protease giúp phá vỡ và loại bỏ máu, mô, chất nhầy và dịch cơ thể giàu protein khác khỏi dụng cụ; + Enzyme Subtilisin: (Liquanase Everis 900L) 1-5%, (Savinase Everis 900L) $<1\%$; + Emzyme amylase: (Amplify Prime 100L) $<1\%$; + Enzyme lipase: (Lipex Evity 200L) $<1\%$; - Có thể sử dụng được với nhiệt độ nước lên đến 55 độ C; - Sử dụng cho rửa thủ công, trên máy tự động, thiết bị siêu âm, hệ thống làm sạch dụng cụ nha khoa... - Dung dịch không mùi.	Can	100
122	Đai trám nhựa (lá)	- Đai trám nhựa mỏng, dễ uốn; - Kích thước tiêu chuẩn: $\sim 1\text{cm} \times 10\text{cm}$; - Cho phép ánh sáng từ đèn quang trùng hợp xuyên qua hoàn toàn.	Gói	40
123	Đầu bơm Silicon	Đầu bơm chất liệu nhựa dùng để bơm silicon.	Gói	50
124	Đầu trộn Silicon	Đầu trộn chất liệu nhựa, thân ống trộn có thiết kế xoắn dài để trộn vật liệu đều hơn, tỉ lệ 1:1 hoặc 1:10.	Gói	50
125	Gel bôi tê	- Thành phần: Benzocaine 20%, hương vị dầu thơm nhẹ, thích hợp cho cả trẻ em và người lớn; - Tác dụng nhanh trong vòng 30–60 giây; - Dạng gel dễ dàng bôi vào vùng cần gây tê; - An toàn khi sử dụng trên niêm mạc miệng, không gây kích ứng.	Lọ	30

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
126	Gel cầm máu	- Gel cầm máu nha khoa, dùng trong điều trị nha chu, phẫu thuật răng miệng; - Thành phần chính: Ferric sulfate 20%; - Độ pH: ~ 1.0 - 2.0; - Thời gian tác dụng: ~ 30 giây - 2 phút.	Tuýp	10
127	Glycerin	- Thành phần: dung dịch dạng gel có gốc Glycerine; - Ngăn chặn sự hình thành lớp ức chế oxy trên bề mặt vật liệu nhựa (resin) khi trùng hợp.	Tuýp	20
128	Giấy cắn hình móng ngựa	- Giấy cắn hình móng ngựa, phù hợp với cả hai cung hàm; - Có thể sử dụng cho răng tự nhiên, răng sứ, mão và cầu răng, không gây kích ứng cho bệnh nhân; - Màu sắc: Đỏ/xanh; - Kích thước: ~100µm - 200µm.	Hộp	30
129	Giấy cắn thường	- Giấy cắn chuyên dụng để xác định điểm tiếp xúc cắn giữa hai hàm. - Có thể sử dụng cho răng tự nhiên, răng sứ, mão và cầu răng, không gây kích ứng cho bệnh nhân; - Màu sắc: Đỏ/xanh; - Kích thước: ~100µm - 200µm.	Hộp	40
130	Hộp đựng trám chữa tủy	- Hộp kim loại có nhiều lỗ nhỏ và nút xóp phù hợp với kích thước hộp; - Hộp 72 lỗ, giúp trám nội nha cắm cố định và tháo ra dễ dàng; - Có thể hấp sấy được.	Cái	30
131	Keo dán 3 trong 1	- Là loại keo dán đa năng, kết hợp giữa tự xoi mòn, xoi mòn với acid và xoi mòn chọn lọc; - Phù hợp cho nhiều ứng dụng nha khoa, từ trám răng trực tiếp đến gắn phục hình gián tiếp, bao gồm cả veneer, inlay, onlay và mão răng; - Thành phần: MDP (Methacryloyloxydecyl Dihydrogen Phosphate), vitrebond Copolymer, HEMA (2-Hydroxyethyl Methacrylate), Silane...	Lọ	20

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
132	Kim bơm rửa nội nha	- Kim chuyên dụng để bơm rửa hệ thống ống tủy; - Đầu bơm rửa được thiết kế lỗ xả bên sườn kim, tránh áp lực lớn gây đẩy dịch ra ngoài lỗ chóp; - Đường kính kim: 25G, 27G, 30G.	Hộp	50
133	Kim tiêm tê nha khoa 27G (0.4mm) x 21mm	- Chất liệu thép không gỉ; - Đầu kim vát 3 cạnh, phù hợp với hầu hết các loại bơm tiêm nha khoa tiêu chuẩn, có nắp bảo vệ kép, đảm bảo vô trùng tuyệt đối trước khi sử dụng; - Kích cỡ ~ 27G (0.4mm) x 21mm.	Hộp	50
134	Kim tiêm tê nha khoa 27G (0.4mm) x 35mm	- Chất liệu thép không gỉ; - Đầu kim vát 3 cạnh, phù hợp với hầu hết các loại bơm tiêm nha khoa tiêu chuẩn, có nắp bảo vệ kép, đảm bảo vô trùng tuyệt đối trước khi sử dụng; - Kích cỡ ~ 27G (0.4mm) x 35mm.	Hộp	10
135	Kim tiêm tê nha khoa 30G (0.3mm) x 10mm	- Chất liệu thép không gỉ; - Đầu kim vát 3 cạnh, phù hợp với hầu hết các loại bơm tiêm nha khoa tiêu chuẩn, có nắp bảo vệ kép, đảm bảo vô trùng tuyệt đối trước khi sử dụng; - Kích cỡ 30G (0.3mm) x 10mm.	Hộp	40
136	Kim tiêm tê nha khoa 30G (0.3mm) x 16mm	- Chất liệu thép không gỉ; - Đầu kim vát 3 cạnh, phù hợp với hầu hết các loại bơm tiêm nha khoa tiêu chuẩn, có nắp bảo vệ kép, đảm bảo vô trùng tuyệt đối trước khi sử dụng; - Kích cỡ 30G (0.3mm) x 16mm.	Hộp	10
137	Lá đệm cao su các màu	- Làm bằng cao su hoặc silicon, hình vuông - Kích thước ~ 152x152mm, 125mm x 125mm - Độ dày: ~ 0.14mm hoặc 0.18mm hoặc 0.22mm	Hộp	60
138	Lá kéo kẽ inox	- Dụng cụ kéo kẽ, điều chỉnh tiếp xúc giữa các răng trong nha khoa; - Chất liệu: Thép không gỉ, bề mặt phủ corundum galvanically; - Độ mỏng: ~ 0.1 mm; - Độ rộng: ~ 3 - 4 mm; - Chiều dài: ~ 120 mm - 150 mm.	Gói	20

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
139	Lưỡi dao 11,12,15	- Chất liệu thép không gỉ carbon, mạ hợp kim chống ăn mòn; - Kích thước: lưỡi số 11, 12, 15; - Sử dụng kết hợp cán dao mổ số 3.	Hộp	100
140	Lưỡi dao 15C	- Chất liệu: Thép không gỉ; - Thiết kế dạng cong đặc biệt, phù hợp với các thủ thuật phẫu thuật nha chu và tạo hình mô mềm; - Dễ dàng lắp ráp với cán dao số 3, 4 hoặc cán dao phẫu thuật tiêu chuẩn.	Hộp	30
141	Mặt gương	- Chất liệu thép không gỉ, chống ăn mòn và dễ dàng vệ sinh; - Bề mặt phản chiếu sắc nét, hỗ trợ quan sát chi tiết các vùng trong khoang miệng; - Thiết kế: đường kính ~ 22mm, phù hợp với tay cầm gương nha khoa tiêu chuẩn; - Có khả năng chống đọng hơi nước, hạn chế mờ khi thao tác.	Hộp	20
142	Mũi đánh bóng composite	- Chất liệu: Silicon kết hợp với hạt resin; - Sử dụng với tay khoan chậm; - Hình dạng: Đĩa, nụ, đài (tùy vào vùng cần đánh bóng).	Cái	720
143	Mũi khoan kim cương các loại	- Mũi khoan phủ hạt kim cương nhân tạo dùng cho tay khoan nhanh, có thể hấp sấy được; - Đầu mũi nhiều hình dạng, nhiều kích cỡ; - Độ nhám được phân biệt qua các mã màu trên thân mũi khoan: đen (rất nhám), xanh lá (nhám), xanh dương (nhám trung bình), đỏ (nhám ít), vàng (mịn).	Mũi	2500
144	Mũi khoan kim cương mở tủy	- Dùng để mở và tiếp cận buồng tủy; - Hình dạng: hình nón đầu tròn, phủ kim cương; - Đường kính đầu mũi: ~ 1,1 mm - 1,8 mm.	Mũi	50

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
145	Mũi khoan loại Gate đủ số	- Chất liệu: thép không gỉ, đầu cắt dạng ngọn lửa; - Dùng cho tay chậm, tốc độ: ~ 800- 1200 rpm; - Có thể hấp sấy được; - Dùng mở rộng miệng ống tủy, lấy bỏ vật liệu trám cũ ở đoạn thẳng ống tủy; - Chiều dài: ~ 28mm, 32mm; - Đường kính đầu mũi khoan: + Size 1: ~ 0.50 mm; + Size 2: ~ 0.70mm; + Size 3: ~ 0.90mm; + Size 4: ~ 0.10mm; + Size 5: ~ 1.30mm; + Size 6: ~ 1.50mm.	Vì	20
146	Mũi khoan mở tủy dạng trụ đầu nhọn	- Chất liệu: Hợp kim Carbide; - Đầu tròn không cắt, lưỡi cắt nằm dọc thân mũi khoan, an toàn cho sàn tủy; - Có thể hấp và tái sử dụng; - Chiều dài tổng: 21mm, chiều dài cắt: 9mm.	Mũi	200
147	Mũi khoan mở xương tay chậm	- Mũi khoan hợp kim Tungsten Carbide dành cho tay khoan chậm thẳng để mài chỉnh mô (răng, xương,...); - Hình dạng: trụ, tròn...,lưỡi cắt sắc bén, có rãnh thoát nhiệt giảm ma sát, giúp ngăn ngừa tổn thương nhiệt lên mô.	Mũi	500
148	Mũi khoan mở xương tay nhanh	- Mũi khoan hợp kim Tungsten Carbide (WC-Co) dành cho tay khoan nhanh; - Đường kính mũi ~ 1.6mm, chiều dài tiêu chuẩn: ~ 19mm - 21mm; - Đầu cắt sắc bén, có hệ thống rãnh thoát nhiệt, giúp giảm nhiệt độ, ngăn ngừa tổn thương mô xương.	Mũi	500

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
149	Mũi khoan nạo ngà	- Mũi khoan thép không gỉ, đầu cắt tròn dùng cho tay khoan chậm; - Tốc độ: ~ 800 - 1200 rpm, có thể hấp sấy được; - Dùng để nạo ngà sâu, bảo tồn ngà lành; - Chiều dài: ~ 22mm, 28mm, 34mm; - Đường kính đầu mũi khoan: khoảng + Size 1: 0.8 mm; + Size 2: 1.0 mm; + Size 3: 1.2 mm; + Size 4: 1.4 mm; + Size 5: 1.6 mm; + Size 6: 1.8 mm.	Vi	100
150	Nhựa thẩm thấu điều trị đốm trắng	- Nhựa thẩm thấu không xâm lấn, dùng để điều trị tổn thương mất khoáng men răng; - Gồm 3 thành phần: + Gel HCl 15% để xói mòn và loại bỏ bề mặt cứng bên trên; + Ethanol 99% làm khô sau khi etching; + Nhựa resin có độ nhớt thấp.	Hộp	20
151	Ống hút nước bọt	- Ống hút nước bọt sử dụng một lần; - Chất liệu nhựa, dễ uốn dẻo và giữ ổn định hình dạng.	Túi	100
152	Ống hút phẫu thuật các màu	- Ống hút phẫu thuật nhựa sử dụng một lần; - Đầu ống hút có nhiều size khác nhau phù hợp với hút trong quá trình tiểu phẫu, cấy ghép... - Gắn vừa các đầu hút phẫu thuật trên ghế máy.	Túi	200
153	Sáp gỏi	- Dạng thanh sáp, dễ dàng tạo hình và điều chỉnh; - Chất liệu: Hỗn hợp sáp tổng hợp, có độ dẻo và khả năng tạo hình tốt; - Dùng để tạo gỏi sáp trong kỹ thuật làm phục hình tháo lắp, giữ ổn định hình dạng trong quá trình thử cắn hoặc thử suture hàm giả.	Hộp	20

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
154	Sáp lá	- Dạng tấm sáp mỏng; - Chất liệu: Hỗn hợp sáp tổng hợp, có độ dẻo và khả năng tạo hình tốt; - Màu: hồng, hồng nhạt, đỏ. - Độ cứng: mềm, trung bình, cứng và siêu cứng.	Hộp	20
155	Sò đánh bóng răng	- Bột đánh bóng sau lấy cao răng, làm sạch răng, có mùi hương dễ chịu, giúp đánh bóng hiệu quả. - Thành phần : chứa ~1,23% ion fluoride, không chứa gluten, an toàn cho sức khỏe.	Hộp	25
156	Tấm bông bôi keo dán các màu	- Cán bằng nhựa, đầu phủ sợi bông thấm dịch tốt; - Có nhiều màu (xanh dương, xanh lá cây, tím, vàng...) tương ứng nhiều kích cỡ khác nhau.	Hộp	100
157	Tấm kính đánh chất trám	- Chất liệu: kính chịu lực, hình chữ nhật; - Dùng để đánh chất trám bít ống tủy, calcium hydroxide... - Mặt kính có phần trơn và phần nhám.	Cái	20
158	Tẩy trắng răng hydrogenperoxide 10%	- Thành phần: 10% Carbamide Peroxide, Kali Nitrat; - Dạng gel, bám dính tốt vào răng, không chảy thấm vào mô mềm.	Tuýp	60
159	Tẩy trắng răng hydrogenperoxide 15%	- Thành phần: 15% Carbamide Peroxide, Kali Nitrat; - Dạng gel, bám dính tốt vào răng, không chảy thấm vào mô mềm.	Tuýp	60
160	Tẩy trắng răng hydrogenperoxide 20%	- Thành phần: 20% Carbamide Peroxide, Kali Nitrat; - Dạng gel, bám dính tốt vào răng, không chảy thấm vào mô mềm.	Tuýp	60
161	Tẩy trắng răng hydrogenperoxide 35%	- Thành phần: 35% Carbamide Peroxide, Kali Nitrat; - Dạng gel, bám dính tốt vào răng, không chảy thấm vào mô mềm.	Tuýp	40
162	Tuýp bôi phòng ngừa sâu răng (tuýp bôi 1 lần cá nhân)	- Thành phần: 5% Sodium Fluoride (NaF) (tương đương 22.600 ppm Fluoride); - Hương vị nhẹ nhàng (có thể có mùi bạc hà, dâu,...) giúp trẻ em và người lớn dễ chịu khi sử dụng; - Dạng vecni bôi trực tiếp, giúp fluoride bám tốt trên bề mặt răng; - Dễ sử dụng, nhanh khô, không gây khó chịu cho bệnh nhân; - Tuýp dùng một lần, đảm bảo vệ sinh và tránh lây nhiễm chéo.	Tuýp	500

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
163	Thạch cao đá	- Thành phần: Calcium Sulfate Hemihydrate; - Hạt mịn, độ ổn định tốt, giúp tạo mẫu chính xác; - Độ cứng cao, khả năng chống mài mòn tốt; - Thời gian đông kết tối ưu (~10–15 phút), đảm bảo thời gian thao tác phù hợp; - Độ chính xác cao, không co ngót sau khi đông cứng.	Túi	30
164	Thước đo nội nha	- Thước đo chất liệu nhựa, có thể tiệt trùng được; - Có các vạch chia/ ống cắm dụng cụ độ chia nhỏ nhất 0.5 - 1mm.	Cái	10
165	Trâm chữa tủy loại H (10-40)	- Vật liệu: Hợp kim Ni-Ti, thép không gỉ; - Độ xoắn: ~2%; - Kích cỡ đầu tip ~#10- 40; - Độ dài: ~21mm, 25mm; - Thiết diện cắt ngang: hình giọt nước; - Có nút chặn cao su phù hợp với chiều dài và hình dáng trâm; - Được phân màu theo chuẩn ISO; - Đáy chuôi cầm được in số và biểu tượng để dễ nhận biết; - Mục đích sử dụng: đưa mìn thành ống tủy, góp phần mở rộng ống tủy.	Vỉ	240
166	Trâm chữa tủy loại K(10-40)	- Chất liệu: Hợp kim Ni-Ti, thép không gỉ; - Độ xoắn: ~ 2%; - Kích cỡ đầu tip #10- 40; - Độ dài: ~ 21mm, 25mm; - Thiết diện cắt ngang: hình vuông; - Có nút chặn cao su phù hợp với chiều dài và hình dáng trâm; - Được phân màu theo chuẩn ISO; - Đáy chuôi cầm được in số và biểu tượng để dễ nhận biết; - Mục đích sử dụng: dò đường, nong rộng ống tủy.	Vỉ	380

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
167	Trâm chữa tủy loại Reamer các số	- Chất liệu: Hợp kim Ni-Ti, thép không gỉ; - Độ thuôn: ~ 2%; - Kích cỡ đầu tip: #08-40; - Chiều dài: ~ 21mm, 25mm; - Thiết diện cắt ngang: hình tam giác; - Cứng hơn K-file, giúp dò đường, nong rộng và làm sạch ống tủy; - Có nút chặn cao su phù hợp với chiều dài và hình dáng trâm; - Được phân màu theo chuẩn ISO; - Đáy chuôi cầm được in số và biểu tượng để dễ nhận biết;	Vỉ	150
168	Trâm gai điều trị tủy các số	- Chất liệu: thép không gỉ, có thể hấp sấy được; - Trên thân trâm có các sợi gai đàn hồi, sắc bén để lấy bỏ mô tủy; - Cán cầm có các mã màu khác nhau theo cỡ (có tối thiểu 6 cỡ); - Chiều dài: ~21mm, 25mm.	Vỉ	60
169	Trâm máy điều trị nội nha trẻ em	- Chất liệu: Hợp kim Nickel-Titanium (NiTi); - Chiều dài: ~16mm; - Độ thuôn: ~4% - 8%; - Gồm 4 trâm: 17/08, 20/04, 25/04, 30/04.	Vỉ	30
170	Trâm máy niti tạo đường trượt độ thuôn biến đổi	- Chất liệu: NiTi R-phase; - Thiết diện lệch tâm hình tam giác; - Thiết kế đặc biệt với độ thuôn biến đổi, mở rộng và định hình ống tủy hiệu quả.	Vỉ	50
171	Vật liệu bột Oxít kẽm	- Thành phần: Kẽm oxide nguyên chất dạng bột mịn, không vón cục; - Dùng trộn với Eugenol để dùng như Cement trám tạm, dán tạm thời cầu mào, điều trị nội nha răng sữa...	Lọ	10

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
172	Vật liệu Calci Hydroxide đặt trong ống tủy	- Thành phần: Calcium Hydroxide (35%), Silica Colloidal. - Độ pH cao (~ 12.5 - 13.0); - Dạng gel lỏng mịn, dễ dàng bơm vào ống tủy; - Tương thích sinh học tốt; Không gây kích ứng mô mềm, an toàn khi tiếp xúc với mô răng.	Tuýp	70
173	Vật liệu điều trị viêm ổ xương khô	- Vật liệu điều trị viêm ổ răng khô sau nhổ răng, giúp giảm đau và bảo vệ ổ răng; - Dạng: Bột nhão (paste), bám dính tốt, không bị rửa trôi nhanh bởi nước bọt; -Thành phần chính: Butamben, Eugenol, Iodoform... - Không cần khâu hoặc tháo bỏ, vật liệu tự tiêu dần theo thời gian.	Hộp	2
174	Vật liệu giảm ê buốt, phòng ngừa sâu răng	- Thành phần: Casein Phosphopeptide (CPP), Calcium Phosphate vô định hình (ACP)... - Giảm ê buốt răng bằng cách che chắn và tái khoáng hóa các ống ngà bị lộ; - Dùng sau khi tẩy trắng, cạo vôi, điều trị đốm trắng khi chỉnh nha; - Nhiều hương vị dễ chịu: bạc hà, dâu, dưa lưới, vani, trái cây...	Tuýp	100
175	Vật liệu làm răng tạm	- Thành phần: Bis-Acryl Composite Resin, Filler, chất xúc tác polymer hóa. - Tính thẩm mỹ cao, màu sắc răng tự nhiên, ổn định, phù hợp với nhiều loại răng thật; - Dễ thao tác, dạng bơm cartridge giúp trộn nhanh, tiết kiệm thời gian; - Độ bền cơ học tốt, chịu lực nhai, chống mài mòn cao, phù hợp với răng trước và răng sau; - Thời gian đông kết nhanh, răng tạm có thể sẵn sàng trong vòng 2-3 phút sau khi lấy dấu; - Tương thích sinh học tốt, không gây kích ứng mô mềm và nướu răng.	Hộp	20

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
176	Vật liệu lấy dấu răng	- Hạt bột mịn, dễ trộn, không vón cục; - Chứa hương thơm tự nhiên (bạc hà, dâu) giúp giảm cảm giác khó chịu cho bệnh nhân. - Thời gian làm việc: ~ 1 phút 45 giây, thời gian đông kết trong miệng ~ 1 phút 30 giây. - Độ chính xác cao, tái tạo chi tiết bề mặt sắc nét ($\leq 50\mu\text{m}$); - Dễ tháo khuôn, không gây biến dạng dấu.	Gói	150
177	Vật liệu sinh học thay thế ngà răng	- Thành phần: Tricalcium Silicate (Ca_3SiO_5); Di-Calcium Silicate (Ca_2SiO_4); Calcium Carbonate (CaCO_3), Calcium Oxide (CaO), Zirconium Oxide (ZrO_2)... - Là vật liệu trám khôi sinh học, thay thế ngà răng với cơ chế phân bố lực nén tương tự ngà răng thật; - Cản quang tốt, trùng hợp hoàn toàn sau 10-12 phút; - Dùng che tủy trực tiếp, thay thế tủy buồng, phẫu thuật cắt chóp, nội ngoại tiêu, phẫu thuật trám ngược...	Hộp	24
178	Vật liệu sinh học trám bít ống tủy	- Thành phần: Silicate Canxi (Tricalcium Silicate, Dicalcium Silicate), Oxit Nhôm, Oxit Bismuth, Oxit Sắt, Magie, hợp chất khoáng trioxide; - Độ tương thích sinh học cao, kích thích quá trình tái tạo mô cứng, khả năng kháng khuẩn tốt, cản quang tốt, độ bền cao, không co rút; - Màu sắc: Trắng/Ngà vàng; - Thời gian đông kết: ~ 3-4 giờ; - Độ pH sau khi trộn: ~12; - Dùng để trám bít ống tủy bị nhiễm trùng quanh chóp nặng, hoặc răng có ống tủy bất thường chữ C, trám bít những răng ngoại tiêu...	Hộp	60

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
179	Vật liệu sinh học trám bít ống tủy kết hợp cùng gutta percha	- Thành phần: Tricalcium silicate, Dicalcium silicate, Zirconium oxide, Calcium hydroxide, Calcium phosphate monobasic, không chứa resin; - pH ban đầu: ~ 11-12; - pH ổn định sau khi đông kết: ~ 9; - Thời gian đông kết: ~ 10-15 phút sau khi tiếp xúc với môi trường ẩm. - Không co ngót, cản quang tốt. - Dùng trám bít ống tủy vĩnh viễn, kết hợp với côn gutta-percha.	Hộp	10
180	Vật liệu trám bít hố rãnh	- Thành phần: nhựa composite gốc Resin, chứa fluoride giúp tăng cường tái khoáng hóa men răng; - Có khả năng thay đổi màu sắc từ hồng sang trắng sau khi quang trùng hợp.	Tuýp	80
181	Xi măng gắn tạm	Thành phần: xi măng gắn tạm tự cứng không chứa eugenol. Chỉ định - Gắn tạm các răng tạm. - Gắn tạm mão răng, cầu răng, inlay, onlay. - Gắn cầu và mão trên trụ implant Xi măng được sử dụng ở nhiệt độ môi trường từ 18° - 23°C/64° - 73°F và độ ẩm tương đối từ 45% - 55%. Thời gian trộn: 30s Thời gian làm việc sau trộn: 90s Thời gian đông cứng sau trộn: 3 phút 30s	Hộp	10
182	Xi măng phẫu thuật	- Thành phần: Zinc Oxide (Oxide kẽm), dầu thực vật, nhựa tự nhiên, không chứa Eugenol. - Dễ trộn và thao tác, không dính tay, dễ tạo hình để che phủ vùng phẫu thuật; - Bám dính tốt vào mô mềm, giúp bảo vệ và ổn định vết thương sau phẫu thuật; - Không gây kích ứng, an toàn cho bệnh nhân có nướu nhạy cảm. - Dùng phủ, che chắn vết thương sau các phẫu thuật nha chu: nạo lợi, cắt lợi, phẫu thuật quanh răng...	Hộp	3

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
183	Xi măng thủy tinh loại 1 trọng lượng 35g	- Thành phần: + Bột: Alumino-fluoro-silicate glass; + Dung dịch: Polyacrylic Acid; - Dùng để gắn phục hình cố định như mão răng, cầu răng, inlay/onlay bằng kim loại hoặc kim loại - sứ; gắn khí cụ chỉnh nha như mắc cài, dây cung, khâu chỉnh nha, trám lót trước khi trám composite...	Hộp	50
184	Xi măng thủy tinh loại 7 trọng lượng 15g	- Thành phần: + Bột: Alumino-fluoro-silicate glass; + Dung dịch: Polyacrylic Acid; - Giải phóng fluoride gấp ~ 6 lần so với các loại sealant khác; - Dùng trám bít hố răng, trám trong điều kiện khó kiểm soát nước bọt...	Hộp	50
185	Xi măng thủy tinh loại 9 dạng nhộng	- Nhộng xi măng thủy tinh loại 9 dạng trộn sẵn; - Thành phần: Fluoro-alumino-silicate glass, Acid polyacrylic , Fluoride... - Bám dính tốt trên men răng và ngà răng, không cần sử dụng chất dán phụ trợ; - Giải phóng fluor liên tục, giúp bảo vệ mô răng lâu dài.	Hộp	15
186	Xi măng thủy tinh loại 9 trọng lượng 15g	- Thành phần: + Bột: Alumino-fluoro-silicate glass; + Dung dịch: Polyacrylic Acid; - Dùng trám răng vĩnh viễn ở vùng răng chịu tải nhẹ và trung bình, trám phục hồi răng sữa ở trẻ em, phục hồi răng cô bị mòn, trám các tổn thương không sâu do mài mòn hoặc chấn thương, trám lớp lót dưới các phục hồi composite....	Hộp	120
	Tổng cộng: 186 phần	(Mỗi danh mục là 1 phần)		

ĐỊA CHỈ:

MÃ SỐ THUẾ:

BÁO GIÁ

Căn cứ thư mời báo giá số /VĐTRHM-TCHCQT ngày tháng năm 2025 của Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt;
Chúng tôi xin gửi tới Quý khách hàng báo giá các danh mục theo yêu cầu của Quý khách hàng, cụ thể như sau:

[illegible]

Báo giá có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm (ghi rõ số ngày, nhưng không nhỏ hơn 180 ngày)

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của hàng hóa/ dịch vụ nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Cam kết hàng hóa còn tối thiểu ½ hạn sử dụng khi bàn giao hàng hóa.
- Hàng hóa mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi.
- Thời gian giao hàng: trong vòng giờ kể từ thời điểm nhận được đơn đặt hàng của bên mua qua điện thoại/ email/fax (ghi rõ số giờ, nhưng không lớn hơn 48 giờ)
- Các thông tin kê khai trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

<TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ>
ĐỊA CHỈ:
SỐ ĐIỆN THOẠI:
MÃ SỐ THUẾ:
MÃ ĐỊNH DANH TRÊN MẠNG ĐẤU THẦU QUỐC GIA (nếu có):

BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT
(Kèm theo báo giá ngày tháng năm 2025)

TT	Danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản yêu cầu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật đơn vị chào
1			
2			
3			
...			
	TỔNG CỘNG:		

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

